

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 18/01/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán ô tô.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đăng.
2. Ông Nguyễn Văn Gia.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1989 (Có mặt).

Trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Hà Văn L, sinh năm 1990.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

Trú tại: Xóm Trung 3, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1970 (Có mặt).

Trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1993 (Có mặt).

Trú tại: Xóm X, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đặng Văn Đ khai: Ngày 27/02/2019 anh L có đăng tin trên mạng Facebook, nội dung cần bán một xe ô tô CHEVROLET – CRUIZE BKS 20A – 219.83 màu bạc với giá 399.000.000đ. Sau khi anh đọc

được tin do anh L đăng, thì có bàn với ông Vũ Văn Q, Phạm Văn T đóng góp tiền mua chung chiếc xe của anh L bán, cụ thể:

Anh góp 199.000.000đ; ông Vũ Văn Q góp 200.000.000đ; anh Phạm Văn T không phải góp tiền, nhưng phải có trách nhiệm đi xem xe, vì anh T biết kỹ thuật. Đến trưa ngày 27/02/2019, anh với anh T, ông Q đến nhà anh Hà Văn L; trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên xem xe. Sau khi xem xe và thỏa thuận giá cả, anh nhất trí mua chiếc xe trên với giá 399.000.000đ, anh L trực tiếp viết giấy mua bán xe với anh, và anh trực tiếp thanh toán 399.000.000đ cho anh L, khi mua bán anh L cam kết chiếc xe trên không vi phạm pháp luật, nếu có vi phạm thì anh L sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngày 28/02/2019, anh với anh T, ông Q bán chiếc xe trên cho anh Trần Xuân Bắc ở Giang Tiên, Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên được 434.000.000đ. Sau đó chiếc xe trên đã bị Công an huyện P thu giữ, do chiếc xe trên là tang vật trong một vụ án hình sự khác, hiện đã được Công an huyện P thu giữ để trả cho bị hại là Ngân hàng VPBank. Anh với anh T, ông Q đã phải bỏ tiền ra trả cho anh Bắc theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện P. Anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Hà Văn L, phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền 399.000.000đ, để anh có tiền trả cho anh Bắc.

Tại Tòa án, anh Đ đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 bản án HSST số 77/2020/HS - ST ngày 31/7/2020 của TAND huyện P; 01 giấy bán xe lập ngày 27/02/2019 giữa anh Hà Văn L và anh Đặng Văn Đ; giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh Đặng Văn Đ

2. Bị đơn anh Hà Văn L khai: Anh với anh Đặng Văn Đ có quen biết nhau. Ngày 27/02/2019, anh có đăng tin trên mạng Facebook, nội dung cần bán một xe ô tô CHEVROLET - CRUIZE BKS 20A-219.83 màu bạc với giá 399.000.000đ. Đến trưa ngày 24/02/2019, có anh Đặng Văn Đ, ông Vũ Văn Q, anh Phạm Văn T có đến nhà anh để xem xe. Sau khi xem xe và thỏa thuận giá bán, anh Đặng Văn Đ nhất trí mua chiếc xe trên với giá 399.000.000đ, anh có viết giấy mua bán chiếc xe trên đối với anh Đ, anh Đ trực tiếp thanh toán số tiền 399.000.000đ cho anh. Sau đó anh được Công an huyện P gọi lên cùng với anh Đ, anh Q, anh T và thông báo chiếc xe CHEVROLET – CRUIZE BKS 20A – 219.83 màu bạc, là tang vật trong một án lừa đảo. Hiện chiếc xe trên đã được thu hồi để trả lại cho bị hại là Ngân hàng VPBank. Nay anh Đặng Văn Đ yêu cầu anh phải trả cho anh số tiền 399.000.000đ, anh chỉ nhất trí trả cho anh Đ số tiền lãi là 149.000.000đ, số tiền còn lại là 250.000.000đ khi nào anh Nguyễn Đức Phương trả cho anh thì anh sẽ trả nốt cho anh Đ.

3. Ông Vũ Văn Q khai: Ngày 27/02/2020, ông cùng với anh T, anh Đ đến nhà anh Hà Văn L; Trú tại: Xóm Trung 3, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên,

mua 01 xe ô tô CHEVROLET - CRUIZ, BKS 20A 219.83 với giá tiền là 399.000.000đ, ông chỉ là người góp tiền với anh Đ để mua chiếc xe trên, còn việc mua bán là do anh L với anh Đ giao dịch, viết giấy mua bán. Quá trình mua bán, anh Hà Văn L cam kết chiếc xe trên không vi phạm pháp luật, nếu có vi phạm pháp luật thì anh L sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau khi mua xe, ông cùng với anh Đ, anh T bán lại chiếc xe trên cho anh Trần Xuân Bắc; trú tại: Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên với giá 434.000.000đ. Sau đó anh Bắc có xuống gặp anh T, anh Đ và ông nói giấy tờ của chiếc xe trên là giấy tờ giả, nên đã bị Công an huyện Pthu giữ để trả cho Ngân hàng VPBank. Sau đó ông cùng với anh T, anh Đ đã phải trả lại tiền cho anh Bắc, theo quyết Đ của Tòa án nhân dân huyện P. Ông với anh T, anh Đ đã đến nhà anh L để đòi lại số tiền 399.000.000đ, mà anh Đ đã giao cho anh L ngày 27/02/2019, nhưng anh L không trả. Nay ông đề nghị anh L trả lại số tiền 399.000.000đ cho anh Đ, sau đó anh Đ sẽ trả lại cho ông theo tỷ lệ đóng góp khi mua xe.

4. Anh Phạm Văn T khai: Ngày 27/02/2020, anh cùng với anh Đ, ông Q đến nhà anh Hà Văn L, mua 01 xe ô tô CHEVROLET - CRUIZ, BKS 20A 219.83 với giá tiền là 399.000.000đ, anh L đã giao toàn bộ giấy tờ xe cho anh Đ và cam kết xe không có vi phạm pháp luật. Sau đó anh với ông Q, anh Đ có bán lại chiếc xe trên cho anh Trần Xuân Bắc; trú tại: Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên với giá 434.000.000đ. Sau đó anh Bắc có xuống gặp anh, anh Đ và ông Q nói giấy tờ của chiếc xe trên là giấy tờ giả, nên đã bị Công an huyện Pthu giữ để trả cho Ngân hàng VPBank. Nay anh đề nghị anh L trả lại số tiền 399.000.000đ cho anh Đ khi mua chiếc xe ô tô CHEVROLET - CRUIZ, BKS 20A 219.83.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng không thành nên phải đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện dân sự về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại xóm Trung 3, xã Đ, huyện Bình, tỉnh Thái Nguyên, theo quy Đ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án đã tiến hành giao quyết Đ đưa vụ án ra xét xử; giao quyết Đ hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh Hà Văn L, nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt. Nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo quy Đ tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tư cách người tham gia tố tụng: Trong vụ án này anh Đặng Văn Đ là nguyên đơn; anh Hà Văn L là bị đơn; ông Vũ Văn Q, anh Phạm Văn T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ, có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác Đ: Ngày 27/02/2020, anh Hà Văn L có bán cho anh Đặng Văn Đ 01 chiếc xe CHEVROLET, BKS 20A 219.83 với giá tiền 399.000.000đ, nguồn gốc của chiếc xe này là do anh L mua của anh Nguyễn Đức Phương; trú tại: Tổ dân phố Hoàng Vân, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Anh L có viết giấy bán xe cho anh Đ, và cam kết nếu xe vi phạm pháp luật thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngày 28/02/2020 anh Đ, anh T, ông Q đã bán chiếc xe trên cho anh Trần Xuân Bắc; trú tại: Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên với giá 434.000.000đ. Sau đó một thời gian, công an huyện P đã thu giữ chiếc xe trên để trả cho Ngân hàng VPBank, vì chiếc xe này đã được Nguyễn Đức Phương thế chấp để vay tiền, nhưng Nguyễn Đức Phương đã làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe đã thế chấp cho Ngân hàng VPBank, sau đó bán cho anh Hà Văn L. Tại bản án HSST số 77 ngày 31/7/2020, Tòa án nhân dân huyện P đã tuyên án về phần dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Đức Phương phải có trách nhiệm hoàn trả anh L số tiền là 250.000.000đ. Tại biên bản hòa giải ngày 19/10/2020 và 11/11/2020, anh Hà Văn L xác Đ sẽ có trách nhiệm trả cho anh Đặng Văn Đ số tiền lãi là 149.000.000đ, số tiền còn lại là 250.000.000đ khi nào anh Nguyễn Đức Phương trả cho anh thì anh sẽ trả nốt cho anh Đ.

Hội đồng xét xử xác Đ: Việc mua bán xe CHEVROLET, BKS 20A 219.83 giữa anh Hà Văn L với anh Đặng Văn Đ là có thật, nhưng do anh L không kiểm tra kỹ giấy tờ xe, nên đã mua phải chiếc xe đã bị thế chấp cho Ngân hàng, và giấy tờ của chiếc xe trên là giấy tờ giả. Do đó Hội đồng xét xử xác Đ

hợp đồng mua bán này là vô hiệu, nên cần phải buộc anh Hà Văn L trả lại cho anh Đặng Văn Đ số tiền là 399.000.000đ.

[4]. Đối với việc góp vốn mua xe ô tô BKS 20A 219.83 giữa anh Đặng Văn Đ, ông Vũ Văn Q: Hội đồng xét xử xác Đ giấy mua bán xe chỉ thể hiện việc anh Hà Văn L bán chiếc xe trên cho anh Đặng Văn Đ, không thể hiện bán cho anh T, ông Q. Tại phiên tòa, ông Q, anh T cũng chỉ đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh L trả cho anh Đ số tiền 399.000.000đ, còn việc thanh toán giữa anh Đ, ông Q, anh T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lãi suất: Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Đ không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Về án phí: Buộc anh Hà Văn L phải nộp án phí DSST vào Ngân sách nhà nước, hoàn trả cho anh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của BLTTDS; các Điều 430, 444; Điều 112, 127; Điều 357, 468 của BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đặng Văn Đ về việc yêu cầu anh Hà Văn L trả số tiền mua bán xe ô tô. Buộc anh Hà Văn L phải có trách nhiệm trả cho anh Đ số tiền là 399.000.000đ (Ba trăm chín mươi chín triệu đồng) tiền gốc.

2. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đặng Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hà Văn L không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác Đ theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy Đ tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy Đ tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Văn L phải nộp 19.950.000đ án phí DSST có giá ngạch sung quỹ Nhà nước. Hoàn trả lại cho anh Đặng Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu số 0000033 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

4. Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt anh Đ, ông Q, anh T; Vắng mặt anh L. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với anh Đ, ông Q, anh T; Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- THA DS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Quang Thái

